

Số: 3334 /SNN-NN

Đồng Nai, ngày 29 tháng 10 năm 2014

V/v báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ theo Kế hoạch 155 – KH/TU ngày 11/11/2013 của Tỉnh ủy

Kính gửi: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Ngày 6/10/2014, Sở Khoa học và Công nghệ có Văn bản số 857/SKH-CN – KH/TC về việc báo cáo kết quả 1 năm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ theo Kế hoạch số 155 – KH/TU ngày 11/11/2013 của Tỉnh ủy.

Nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ đạt mục tiêu đề ra theo Kế hoạch số 155 – KH/TU ngày 11/11/2013 của Tỉnh ủy. Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thực hiện như sau:

I. Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ

1. Phấn đấu đến năm 2015 giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 8.831,344 triệu đồng và đạt 10.500 triệu đồng đến năm 2020 (theo giá cố định năm 1994)

1.1. Kết quả triển khai thực hiện

1.1.1. Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp

a) Chuyển giao thực hiện công tác giống

- *Về giống lúa:* Thông qua việc khảo nghiệm vùng sinh thái đã xác định các giống phù hợp thích nghi cho năng suất, chất lượng cao như giống OM4900, giống OM6162, giống OM7347, OM 5451. Những giống này hiện nay là giống chủ lực trong cơ cấu giống lúa của tỉnh; Chiếm 60% diện tích gieo trồng. Tổ chức, chuyển giao kỹ thuật nhân giống lúa, giúp nông dân chủ động được nguồn giống với giá thành hạ, đồng thời đưa nhanh các giống lúa mới vào sản xuất. Hàng năm nhân được khoảng trên 200 tấn lúa giống các loại.

- *Về giống bắp:* Sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn (từ 95-105 ngày) như CP333, DK6919, C919, NK67, DK9901, DK9955 cho phép canh tác hai vụ trong mùa mưa, có tiềm năng năng suất cao từ 10 -12 tấn/ha/vụ, màu sắc hạt phù hợp với thị hiếu. Các giống này có bộ lá gọn cho phép trồng với mật độ dày trong vụ Đông Xuân, năng suất tăng 20% so với mật độ trồng bình thường.

- *Về giống mía:* Chuyển giao bộ giống K95-84, K94/2-483, LK92-11, K2000, Supamburi có năng suất, chừ đường cao, kháng sâu bệnh hại. Các giống này đã cho năng suất từ 90-100 tấn/ha. Hiện các giống mới được trồng đạt trên 90% diện tích.

- *Về giống cà phê:* Tỉnh Đồng Nai hiện có khoảng 18.894 ha cà phê. Trong 10 dòng cà phê TR của Viện Nghiên cứu Nông- Lâm nghiệp Tây nguyên chọn lọc và

được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho phép đưa vào sản xuất, đã chọn ra 4 dòng cà phê TR4, TR5, TR6, TR9, thích nghi tốt các điều kiện sinh thái ở Đồng Nai, với ưu điểm như: Cây phân cành nhiều, kích cỡ hạt lớn, chất lượng tốt, chín đồng loạt và có khả năng kháng bệnh gỉ sắt, tiềm năng năng suất đạt từ 5,3-7,3 tấn/ha.

- Về giống ca cao: đã chọn 5 dòng ca cao phù hợp điều kiện tại Đồng Nai: TD3, TD5, TD6, TD8, TD9, phục vụ Chương trình Phát triển Cây ca cao giai đoạn 2011-2015 của tỉnh.

b) Kỹ thuật canh tác

Trên cây lúa: chuyển giao kỹ các biện pháp kỹ thuật, khuyến khích giảm lượng giống gieo sạ còn từ 100 – 120 kg/ha so với 3 năm trước đây (170-220 kg/ha); Tổ chức gieo sạ đồng loạt, khắc phục được tình trạng trước đây trên cùng một cánh đồng, tồn tại nhiều trà lúa ở các giai đoạn sinh trưởng khác nhau dẫn đến sâu bệnh hại lây lan từ trà lúa này sang trà lúa khác, vụ này sang vụ khác, khó khăn cho việc phòng trừ sâu bệnh hại và tăng chi phí sản xuất. Việc gieo sạ đồng loạt còn giúp thuận lợi áp dụng cơ giới hóa trong khâu thu hoạch; Sử dụng giống lúa xác nhận, nguyên chủng vào sản xuất do tỷ lệ nảy mầm và độ thuần cao; sức sống và đẻ nhánh khỏe; sạch mầm bệnh. Hiện nay khoảng trên 70% diện tích, nông dân không còn sử dụng lúa thương phẩm từ vụ trước để làm giống. Đưa năng suất đạt từ 6,5 – 7 tấn/ha.

Trên cây bắp: Tăng mật độ trồng bằng cách xây dựng quy trình trồng bắp vụ Đông Xuân với mật độ trồng 83.000 cây/ha (Vụ Hè thu và vụ Mùa chỉ bố trí 57.000 cây/ha) và chuyển giao cho nông dân ứng dụng vào sản xuất. Năng suất bình quân hiện nay trong vụ Đông Xuân đã đạt trên 8 tấn/ha. Nhiều diện tích lớn đạt trên 10 tấn/ha, cá biệt có hộ nông dân đạt 12-13 tấn/ha (hạt khô). Ngoài yếu tố năng suất tăng, trồng bắp vụ Đông Xuân trên đất lúa có nhiều ưu điểm như: hạn chế lây lan nhiều loại sâu, bệnh hại lúa qua các vụ, đất trồng được cải thiện. Hiện tại trong vụ Đông xuân đã chuyển trên 10.000 ha sang trồng bắp.

Trên cây cà phê: áp dụng kỹ thuật ghép cải tạo vườn cà phê sử dụng giống củ, năng suất thấp, chưa hết chu kỳ kinh doanh, việc tái canh khó do phải có thời gian luân canh hoặc không canh tác ít nhất 2 năm. Nhằm cải thiện và nâng cao năng suất vườn cà phê hiện hữu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chuyển giao kỹ thuật ghép cải tạo giúp nông dân cải thiện nâng cao chất lượng vườn cây, rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản và có thu nhập cho nông dân trong thời gian cải tạo (nông dân không phải đốn bỏ vườn cũ). Hiện tại nông dân cả tỉnh đã áp dụng ghép cải tạo được trên 50 ha.

Xử lý ra hoa trái vụ: Đã thử nghiệm biện pháp xử lý ra hoa trái vụ trên nhiều loại cây ăn trái. Kết quả cho thấy, cây có tỷ lệ thành công cao và xử lý được quanh năm như xoài, quýt, ổi, nhãn, bưởi. Riêng cây chôm chôm chỉ thành công trên loại đất đen đạt tỷ lệ trên 60% (trên đất đỏ bazan do ẩm độ cao nên hiệu quả xử lý đạt thấp).

Biện pháp bao trái: Áp dụng biện pháp bao trái để hạn chế sâu, bệnh gây hại, trái đẹp.... Biện pháp này áp dụng phổ biến trên cây ổi, xoài cát Hòa Lộc, xoài Thái, bưởi. Các loại cây ăn trái còn lại việc áp dụng còn hạn chế do cây có sản phẩm giá trị thấp, việc bao trái làm tăng chi phí sản xuất, chiều cao cây cao khó khăn cho việc bao trái và áp lực của sâu bệnh hại trực tiếp trên trái không nhiều.

c) Kỹ thuật tưới nước tiết kiệm và kết hợp bón phân qua đường ống

Tưới nước tiết kiệm và kết hợp bón phân qua đường ống là phương pháp cung cấp nước và dinh dưỡng một cách tối ưu cho cây trồng. Thông qua hệ thống tưới nước tiết kiệm và kết hợp bón phân qua đường ống, lượng nước tưới được điều tiết đủ cho nhu cầu sinh trưởng và phát triển của cây, giảm lượng thất thoát do bốc hơi và thấm thấu sâu, khắc phục được nhược điểm của phương pháp tưới truyền thống ảnh hưởng đến sinh lý cây trồng do hiện tượng lúc thừa và thiếu nước. Hạn chế sâu bệnh hại cho cây trồng. Đặc biệt, giúp được kiểm soát được nấm bệnh gây hại ở vùng rễ cây. Đất trồng luôn tơi xốp, không bí chặt, tạo điều kiện cho hệ vi sinh vật có lợi và hệ rễ cây trồng phát triển mạnh. Dinh dưỡng được cung cấp kịp thời đáp ứng cho từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây, hạn chế thất thoát.

Hệ thống bón phân qua đường ống tưới được Cán bộ kỹ thuật của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cải tiến nhiều lần. Phương pháp tưới tiết kiệm kết hợp bón phân qua đường ống giúp nông dân giảm được 40% lượng nước tưới và chi phí nhiên liệu, điện giảm 60% công lao động làm bồn, tưới nước và bón phân. Giảm 20% lượng phân bón, tăng 30% năng suất, chất lượng và độ đồng đều của sản phẩm tăng.

Phương pháp này có thể áp dụng trên các loại cây ăn trái và cây công nghiệp dài ngày của tỉnh. Hiện nay đã có trên 7.500 ha cây trồng các loại được áp dụng.

1.1.2. Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

a) Mức độ cơ giới hóa các khâu đối với các loại cây trồng

Nhiều loại cây trồng đã được thực hiện cơ giới hóa ở mức khá cao, như đối với cây trồng hàng năm, khâu làm đất đạt 95% diện tích gieo trồng, khâu chăm sóc phòng trừ sâu bệnh đạt 56%, khâu thu hoạch đạt 49%.

b) Trong chăn nuôi

Đã thực hiện cơ giới hóa khâu vệ sinh chuồng trại, cung cấp nước, cung cấp thức ăn, tạo tiêu khí hậu (sưởi ấm, làm mát), tắm rửa gia súc, ấp trứng, vắt sữa, bảo quản và vận chuyển sữa.

Việc áp dụng cơ giới hóa trong chăn nuôi phần lớn được thực hiện tại các doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi quy mô lớn. Các máy móc chủ yếu là để vệ sinh, sát trùng chuồng trại, hệ thống cho ăn bán tự động, uống tự động và hệ thống làm mát chuồng trại. Đối với các hộ, cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn áp dụng các kỹ thuật thủ công trong thực hiện các khâu trong quá trình chăn nuôi.

c) Số lượng, loại máy móc, thiết bị trong sản xuất nông lâm thủy sản

Các loại máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn hiện nay là: máy làm đất (8.297 cái), máy phục vụ gieo trồng (112 cái), máy chăm sóc phòng trừ sâu bệnh (97.677 cái), máy thu hoạch (1.777 cái), máy sau thu hoạch (1.731 cái)... Trong đó:

- Làm đất bao gồm: máy kéo, máy cày, máy xới: 8.297 cái
- Gieo trồng : máy/ giàn gieo sạ, máy gieo hạt: 112 cái
- Chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh: máy phun thuốc bảo vệ thực vật có động cơ, máy nổ, máy bơm – tưới: 97.677 cái
- Thu hoạch: máy gặt đập liên hợp, máy phóng lúa, máy phóng bắp, máy tách hạt bắp, máy cắt xén, máy tuốt lúa...: 1.777 cái
- Sau thu hoạch: máy xay xát, máy sấy: 1.731 cái
- Trộn, nghiền thức ăn: máy chế biến thức ăn gia súc, máy nghiền, máy trộn thức ăn: 2.763 cái
- Làm mát: quạt gió, hệ thống thông gió: 1.026 cái
- Chăm sóc, vệ sinh chuồng trại: máy bơm, máy xịt chuồng: 25.510 cái
- Máy khác: phương tiện vận chuyển, máy sục khí oxy...: 15.667 cái

Nhìn chung:

- Việc sử dụng máy gặt đập liên hợp đã giúp cho người trồng lúa giảm thất thoát trong khâu thu hoạch từ 4% xuống còn 1%, giải quyết tình trạng thiếu lao động nông nghiệp và hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, tiết kiệm được chi phí (khoảng 1,2 triệu đồng/ha), hình thành các cơ sở dịch vụ cơ giới trong sản xuất nông nghiệp.

- Các loại máy sấy, máy ấp trứng đưa vào ứng dụng đã giúp nông dân chủ động được khâu phơi sấy, tăng chất lượng sản phẩm trong mùa mưa và chủ động con giống trong chăn nuôi.

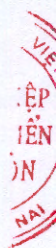
- Máy cấy lúa, máy thu hoạch bắp qua thực tế ứng dụng nhìn chung còn nhiều nhược điểm như công suất nhỏ, hiệu quả kinh doanh không cao, dễ hư hỏng, thiếu phụ tùng thay thế nên ứng dụng trên thực tế chưa nhiều.

- Do đặc điểm sản xuất nhỏ lẻ quy mô diện tích canh tác của nông hộ không lớn, hộ nông dân không thể đầu tư nhiều loại máy đủ để phục vụ sản xuất của nông hộ; Nên việc hình thành các cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ trong cơ giới hóa phục vụ sản xuất là cần thiết.

1.1.3. Chuyển giao, sử dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp

Hướng tới một nền nông nghiệp hữu cơ, hạn chế sử dụng các loại phân bón, thuốc hóa học, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng và người sản xuất. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai nhiều mô hình ứng dụng sản phẩm sinh học như:

- Sử dụng chế phẩm EM trong ủ phân hữu cơ, thúc đẩy quá trình mùn hóa, nhanh hoại mục; Sử dụng chế phẩm nấm *Trichoderma* phân giải lân chậm tan, có



khả năng tiêu diệt nấm gây bệnh thối rễ trên cam, quýt, bệnh vàng lá chết chậm trên tiêu; các nấm gây bệnh xì mũ trên sầu riêng, bưởi và các bệnh nấm trên vùng rễ của cây trồng từ giai đoạn cây con đến trưởng thành. Sử dụng nấm *Metarhizium* (nấm xanh) để phòng trừ rầy nâu và một số sâu hại khác trên cây lúa có hiệu quả, được chuyển giao ứng dụng cho nông dân.

- *Ứng dụng hữu cơ bằng chế phẩm sinh học*: Để tận dụng nguồn hữu cơ, rút ngắn thời gian ủ, giảm chi phí sản xuất cho nông dân. Chế biến và sử dụng phân hữu cơ là một trong những biện pháp quan trọng trong sản xuất thâm canh cây trồng, khắc phục tình trạng lạm dụng phân vô cơ dẫn đến thoái hóa đất canh tác.

- *Sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi*: Chế phẩm men sinh học Balasa có tác dụng làm tiêu hủy phân, giảm mùi hôi thối, khí độc trong chuồng trại, tạo môi trường sống tốt, kiểm soát mầm bệnh. Điều này rất có ý nghĩa đối với các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nằm trong khu dân cư. Đồng thời giảm chi phí, công lao động mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ chăn nuôi.

1.1.4. Xây dựng vùng áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt

Đã tổ chức các lớp tập huấn chuyên giao khoa học cho nông dân, hướng dẫn nông dân các biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn hiệu quả; tập huấn và vận động nông dân sản xuất theo hướng GAP, hướng dẫn nông dân ghi nhật ký đồng ruộng. Thực hiện các mô hình trình diễn sản xuất rau quả, hồ tiêu, cà phê theo hướng GAP, tổ chức hội thảo nhân rộng các mô hình.

1.1.5. Áp dụng khoa học, công nghệ trong chăn nuôi và thủy sản

Áp dụng công nghệ sinh học vào một số khâu trong chăn nuôi như: sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi, sử dụng chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải, xử lý mùi, trộn vào thức ăn để tăng hiệu quả sử dụng thức ăn...; xây hầm khí sinh học (biogas) được chuyển giao cho nông dân giúp giảm công lao động, hạn chế dịch bệnh xảy ra, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

Các đối tượng thủy sản mới được chuyển giao như: giống cá rô đầu vuông, cá lóc đầu nhím có tốc độ sinh trưởng nhanh, phù hợp với điều kiện sinh trưởng tại các vùng nuôi và các đối tượng thủy đặc sản khác có giá trị như cá bông tượng, các lăng nha, ếch, lươn, tôm thẻ chân trắng... cũng được chuyển giao cho người dân giúp đa dạng đối tượng nuôi, hình thức nuôi. Kỹ thuật chuyển giao tập trung vào các khâu: chọn giống, chăm sóc, sử dụng vi sinh trong quy trình quản lý ao nuôi, áp dụng thực hành nuôi thủy sản tốt tại cơ sở theo VietGAQP giúp cho các hộ dân, các tổ hợp tác nuôi thủy sản đạt hiệu quả cao, sản xuất thân thiện môi trường.

1.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- Công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn được được các cấp các ngành quan tâm, chỉ đạo làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện đưa những tiến

bộ khoa học công nghệ vào sản xuất đồng bộ. Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Các chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; chương trình tưới nước tiết kiệm; các chương trình phục vụ thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh về cây trồng vật nuôi chủ lực, chương trình cơ giới hóa ... đã đưa những tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, góp phần tăng năng suất lao động, giảm đáng kể chi phí sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế cho người nông dân. Bước đầu xây dựng thành công những cánh đồng chất lượng cao trên cây lúa, cây bắp, cây tiêu, cây xoài... và hình thành được vùng sản xuất tập trung gắn với sự liên kết 4 nhà trong chế biến, tiêu thụ sản phẩm làm cho kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới, chương trình MTQG giảm nghèo và các chương trình giảm nghèo của tỉnh thực hiện từ năm 2008 đến nay đã đưa các tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới đến với nông thôn một cách hiệu quả. Đặc biệt là các hộ nghèo vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc được hỗ trợ kiến thức, nâng cao năng lực trong sản xuất nông nghiệp giúp đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn không ngừng được cải thiện và nâng cao.

- Bên cạnh những kết quả đạt được cho thấy, sản xuất nông nghiệp tuy phát triển nhưng vẫn còn một số hạn chế như sản xuất nhỏ lẻ, hiệu quả thấp; các chương trình xây dựng cánh đồng mẫu tuy hiệu quả nhưng khả năng duy trì lối sản xuất tập trung, tuân thủ đúng lịch thời vụ, quy trình canh tác khó thực hiện bởi thiếu sự gắn kết, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế, chưa hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp, nhất là giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, gắn bó với nông dân còn ít.

- Hoạt động của các trang trại, tổ hợp tác nông nghiệp chậm đổi mới, còn tư tưởng trông chờ. Việc sản xuất gắn với bảo vệ môi trường trong hoạt động nông nghiệp có chuyển biến nhưng còn chậm, đời sống nông dân tuy đã được cải thiện và nâng cao nhưng nhìn chung vẫn còn ở mức thấp so với khu vực thành thị.

1.3. Các giải pháp tiếp tục thực hiện để đạt mục tiêu đề ra

- Phát triển nông nghiệp đồng nghĩa với việc xây dựng cho nông dân kiến thức cao về khoa học công nghệ. Để đạt mục tiêu đến năm 2015, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 8.831,344 triệu đồng và đạt 10.500 triệu đồng đến năm 2020, phải ứng dụng những công nghệ hiện có như công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ nano, công nghệ thủy canh, công nghệ sau thu hoạch, cơ khí hoá dụng cụ nông nghiệp, ứng dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGAP... để sản xuất nông sản có năng suất cao, chất lượng tốt, an toàn vệ sinh và giá thành thấp.

- Bên cạnh những tiến bộ khoa học kỹ thuật đã ứng dụng và chuyển giao, tiếp tục tiếp thu, chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ mới, lồng vào các chương trình, dự án trọng điểm đã được xác định với mục tiêu đưa tiến bộ khoa

học kỹ thuật đến người dân, phù hợp ở mỗi vùng sinh thái, mỗi địa phương, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập. Một số nội dung cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện Quyết định 2419/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh nhằm tiến tới xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh, áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, sản xuất theo hướng hàng hóa

- Tiếp tục thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng là hướng đi đúng đắn và tất yếu cho sự phát triển nông nghiệp bền vững. Mục tiêu của chương trình này nhằm chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ diện tích lúa độc canh sang trồng hoa màu, trồng bắp lai trong vụ Đông Xuân, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm được lượng nước tưới trong vụ Đông Xuân, cắt nguồn sâu, bệnh từ cây lúa lan truyền từ vụ này sang vụ khác đặc biệt trong tình hình dịch rầy nâu và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.

- Với hiệu quả đã được khẳng định, thời gian qua (vụ Đông – Xuân năm 2012-2013) diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ lúa sang bắp đạt 10.099 ha với sản lượng 80.237 tấn. Bằng các giải pháp kỹ thuật, áp dụng lịch thời vụ hợp lý, năm 2014 nông nghiệp Đồng Nai tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ 2 vụ lúa và 1 vụ bắp sang sản xuất 2 vụ bắp, một vụ lúa trong năm. Mô hình này được triển khai nhân rộng trong năm 2014 trên diện tích 150 ha trên địa bàn huyện Xuân Lộc. Mô hình này mang lại thu nhập cho nông dân ước đạt trên 150 triệu/ha và tiếp tục nhân rộng trong những năm tiếp theo.

- Thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước thực hiện chương trình áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp. Thực hiện lồng ghép nhiều chương trình, triển khai Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp cho các đối tượng theo quy định nhằm khắc phục những tồn tại trong sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1188/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh về Dự án khuyến nông hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho người nghèo nhằm chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ sản xuất, nâng cao thu nhập cho người nghèo vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa góp phần cùng với địa phương giảm áp lực trong công tác giảm nghèo tiến tới xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho người học, phát huy được hiệu quả trong sản xuất, nâng hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm, giảm thiểu tỉ lệ thất nghiệp trong nông thôn.

- Cũng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực quản lý cho các tổ chức, các hình thức hợp tác sản xuất nông nghiệp tại địa phương; xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT ngày 10/04/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

- Từ các tiền đề đã có (Quyết định 2419/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực, chương trình cánh đồng chất lượng cao, kiện toàn tổ chức hợp tác...), tiến tới xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn tạo động phát triển nông nghiệp toàn diện trên địa bàn tỉnh.

2. Tăng tỷ lệ cây trồng chủ lực được sử dụng giống tốt đạt khoảng 75% vào năm 2015 và đạt khoảng 80% đến năm 2020.

2.1 Hiện trạng sản xuất, sử dụng giống

Cây trồng chủ lực bao gồm: cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, bưởi, xoài, sầu riêng.

| Cây | Diện tích (ha) | Diện tích trồng mới và chuyên canh (ha) | Tỷ lệ sử dụng giống tốt (%) |
|-----------|----------------|---|-----------------------------|
| Cao su | 43.646 | | 100 |
| Cà phê | 19.959 | 9.195 | 46,07 |
| Hồ tiêu | 7.996 | 6.333 | 79,2 |
| Điều | 49.118 | 16.179 | 32,94 |
| Bưởi | 1.632 | 971 | 58,88 |
| Sầu riêng | 3.989 | 1.649 | 41,34 |
| Xoài | 9.567 | 9.248 | 96,67 |
| Tổng cộng | 135.907 | 43.575 | 32,06 |

Điều, Cà phê, Bưởi, Sầu riêng tỷ lệ sử dụng giống tốt, có chất lượng cao đạt thấp với nhiều lí do như sau:

- Diện tích cũ còn lại sau khi ban hành Kế hoạch còn lớn và đang trong giai đoạn khai thác (Điều, Cà phê).

- Diện tích đối với cây Bưởi, Sầu riêng đang sử dụng giống cũ vẫn cho hiệu quả và năng suất cao, chưa có giống mới tối ưu hơn để thay thế.

2.2 Các giải pháp thực hiện mục tiêu

a) Về cơ chế chính sách

- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư, tín dụng, đất đai và thuế cho các cơ sở đầu tư, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống theo các quy định hiện hành.

- Hỗ trợ chi phí sản xuất giống theo Thông tư liên tịch số 11/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 01/3/2012.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống theo Nghị định 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư.

- Đầu tư 100% chi phí cho hệ thống quản lý chất lượng giống vật nuôi (về con người và máy móc, trang thiết bị liên quan)

- Vận dụng một số chính sách như Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 04/06/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 41/2010/NĐ-CP, ngày 12/04/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Áp dụng nhiều chính sách ưu đãi trong việc chuyển giao kỹ thuật, sản xuất và kinh doanh giống như Nghị định 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư giúp đưa nhanh các giống mới vào sản xuất đại trà, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng.

b) Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giống

Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý, thanh kiểm tra:

- Tăng cường biên chế và xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện công tác quản lý giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và thủy sản trên địa bàn từ tỉnh đến địa phương.

- Kiểm tra việc giám định, bình tuyển giống định kỳ; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm theo quy định.

c) Duy trì, mở rộng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống sản xuất phát triển giống:

- Quy hoạch hoàn thiện hệ thống nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống; Xây dựng, nâng cấp cơ sở, trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ cho công tác kiểm định, kiểm nghiệm giống.

- Củng cố, xây dựng các nguồn giống trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cung cấp đủ vật liệu giống cho công tác sản xuất, cung ứng giống. Cải tạo, nâng cấp và mở rộng hợp lý các vườn ươm để đáp ứng được kế hoạch sản xuất, cung ứng giống.

- Tổ chức sản xuất, cung ứng đủ giống có chất lượng tốt phục vụ cho nhu cầu sản xuất; chú trọng phát triển giống theo phương pháp vô tính, đa loài, đa dòng.

- Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị, nâng cao năng lực quản lý cho phòng kiểm nghiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành.

d) Liên kết các nguồn lực tham gia quản lý chất lượng, sản xuất, cung ứng và dịch vụ về giống

- Khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, đầu tư trong lĩnh vực chọn, tạo, sản xuất, cung ứng giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và thủy sản.

- Phát triển mạnh mẽ lưới các cơ sở sản xuất, cung ứng giống. Khuyến khích thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất, nhân giống.

- Khuyến khích đầu tư mới, nâng cấp trang thiết bị, hiện đại hóa những cơ sở sản xuất giống, phòng cấy mô để đáp ứng nhu cầu cung cấp giống trên địa bàn tỉnh và khu vực;

- Hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn về giống theo quy định và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp công bố tiêu chuẩn áp dụng, giúp cho việc quản lý tốt chất lượng giống.

- Phối hợp với Viện, Trường, các doanh nghiệp sản xuất giống tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn, kỹ thuật nhân giống cho các tổ chức, cá nhân chưa đủ điều kiện.

e) Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

- Ứng dụng công nghệ sinh học; chọn tạo giống cây trồng mới; Nghiên cứu các quy trình phòng trừ sinh vật hại theo hướng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), áp dụng vào quá trình sản xuất giống cây trồng.

- Phối hợp các đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống của Trung Ương đóng trên địa bàn tỉnh để phát huy lợi thế sẵn có về kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Tranh thủ nguồn lực từ các Doanh nghiệp sản xuất, cung ứng giống trên địa bàn tỉnh thúc đẩy nhanh tiến độ sử dụng giống tốt, giống tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đại trà.

f) Thực hiện có hiệu quả công tác khuyến nông ứng dụng giống mới vào sản xuất.

- Chuyển giao các công nghệ sản xuất giống đã nghiên cứu thành công, xây dựng các mô hình trình diễn về giống mới để nhân rộng ra sản xuất giống đại trà.

- Tăng cường tập huấn về kỹ thuật sản xuất giống, bảo đảm môi trường, phòng ngừa dịch bệnh; phát hành tài liệu tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân biết và sử dụng các giống tốt, giống có nguồn gốc rõ ràng, và thực hiện đúng các quy định của nhà nước.

3. Tăng tỷ lệ vật nuôi chủ lực được sử dụng giống tốt đạt khoảng 90% năm 2015 và đến năm 2020

3.1 Tình hình sản xuất, cung ứng, sử dụng và quản lý giống

3.1.1 Tình hình sản xuất và cung ứng con giống

- Trên địa bàn có 50 cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung ứng tinh heo (trong đó có 8 công ty chăn nuôi và 42 điểm thụ tinh nhân tạo). Số lượng cơ sở nuôi giữ giống gốc (đàn ông bà): 9 cơ sở.

- Có 17 cơ sở ấp nở gà con 01 ngày tuổi (trong đó 11 cơ sở do tỉnh quản lý và 6 cơ sở do trung ương quản lý) một năm cung ứng cho thị trường chăn nuôi của tỉnh 30.000.000 con/năm. Các cơ sở ấp nở gà con 01 ngày tuổi đều được thẩm định và cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo quy định.

3.1.2 Tình hình sử dụng con giống

Vật nuôi chủ lực của tỉnh gồm:

- Heo (khoảng 1.397.034 con) với các giống Heo nuôi là Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain và heo lai 3, 4 dòng từ các giống ngoại, chiếm tỷ lệ trên 95 %. Số lượng heo đực giống khoảng 3.764 con; nái sinh sản 187.842 con, hàng năm tạo ra khoảng 3 triệu con heo thương phẩm.

- Gà (khoảng 12.417.000 con) với các giống Gà trắng hướng thịt công nghiệp (thường sử dụng các giống Arbor Acres, Ross, Cobb) chiếm tỷ lệ 38,11 % tổng đàn; Gà màu hướng thịt (Tam Hoàng, Lương Phượng): chiếm tỷ lệ 25,06 % ; Gà hướng trứng nuôi công nghiệp (Hyline Brown, Lohmann Brown, ISA Brown) chiếm tỷ lệ 23,14 %; Gà ta nuôi trong dân chiếm tỷ lệ 13,69%.

3.1.3 Công tác quản lý giống

a) Công tác tập huấn:

Đã kết hợp với Trung tâm nghiên cứu và huấn luyện chăn nuôi Bình Thắng tổ chức lớp tập huấn “Bình tuyển và giám định giống vật nuôi” cho các học viên bao gồm các cán bộ: phòng Chăn nuôi, Trạm Thú y và phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện, thị xã Long Khánh và tp.Biên Hòa. Tổ chức tập huấn ‘Bình tuyển và giám định giống vật nuôi; kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi, kiểm tra chất lượng tinh thu tinh nhân tạo”

b) Công tác kiểm tra, kiểm soát:

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch 18/KH-CCTY-CN ngày 22/4/2014 về việc quản lý giống vật nuôi năm 2014

- Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh cho đàn gà giống bố mẹ, đàn heo giống (ông bà, bố mẹ và trại nái sinh sản). Trong 6 tháng đầu năm 2014 thẩm định mới 18 cơ sở (13 trang trại heo, 52 trang trại gà). Tính đến thời điểm 30/9/2014 trên địa bàn có 208 cơ sở, trong đó có 99 trang trại heo được công nhận an toàn bệnh Lở mồm long móng và Dịch tả, 109 trang trại gà được công nhận an toàn với bệnh Cúm gia cầm và Newcastle.

- Áp dụng VietGAHP trong chăn nuôi: đã tổ chức khảo sát đánh giá lần đầu cho 11 trang trại đăng ký tham gia chăn nuôi áp dụng VietGAHP (4 trang trại heo, 7 trang trại gà). Dự kiến cuối năm 2014, sẽ đánh giá chứng nhận VietGAHP cho 03 trang trại.

c) Chính sách

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã áp dụng nhiều chính sách ưu đãi trong việc sản xuất và kinh doanh giống như:

- Chính sách ưu đãi trong việc chuyên giao kỹ thuật, sản xuất và kinh doanh giống như: Nghị định 02/2010/NĐ-CP ngày 8/1/2010 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư giúp đưa nhanh giống mới vào sản xuất đại trà.

- Chính sách hồ giống gốc theo Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của UBND tỉnh về Phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 – 2015.

- Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 23/1/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án “Phát triển chăn nuôi giai súc giai cầm và nuôi trồng thủy sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020”.

- Thực hiện các Đề án, Dự án như: Đề án phát triển kinh tế trang trại; Đề án củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp; Dự án LIPSAP ...

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định “Quản lý, phát triển giống cây nông, lâm nghiệp và giống vật nuôi và thủy sản đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Hệ thống cung ứng giống

- Trên địa bàn có nhiều đơn vị nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và cung ứng giống có uy tín và chất lượng như: Công ty CP Greenfeed Việt Nam, Công ty DOLICO, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc, Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty Liên doanh France Hybrides VN, Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bình Minh, Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn ...

- Hệ thống phân phối giống trải rộng trên địa bàn tỉnh, tạo thuận lợi cho người sản xuất.

- Nâng lực sản xuất giống vật nuôi đảm bảo đáp ứng nhu cầu trên địa bàn

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi đều xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, kiểm tra vệ sinh thú y và đăng ký khai báo kiểm dịch giống.

- Hầu hết con giống ông bà, bố mẹ được nhập từ nước ngoài, có kiểm dịch, hồ sơ giống rõ ràng và được nuôi cách ly, theo dõi theo quy định.

3.2 Kết quả tình hình sử dụng giống tốt

Các tiến bộ về giống được ứng dụng nhanh, có hiệu quả vào sản xuất, tỉ lệ sử dụng giống tiến bộ trong chăn nuôi heo, gà đạt 95%. Đây là những giống có năng suất cao, tỉ lệ tiêu tốn thức ăn thấp, đang được nuôi phổ biến trên thế giới.

4. Tăng tỷ lệ diện tích vùng chuyên canh được áp dụng sản xuất theo hướng GAP (VietGAP, GlobalGAP) đạt khoảng 25% vào năm 2015 và đạt khoảng 30% đến năm 2020.

4.1 Các hoạt động đã thực hiện

- Thực hiện công tác dự tính dự báo về sâu bệnh phát sinh phát triển ở các giai đoạn của cây trồng và hướng dẫn biện pháp phòng trừ.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chuyên giao khoa học cho nông dân, hướng dẫn nông dân các biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn hiệu quả; tập huấn và vận động nông dân sản xuất theo hướng GAP, hướng dẫn nông dân ghi nhật ký đồng ruộng.

- Thực hiện các mô hình trình diễn sản xuất rau quả, hồ tiêu, cà phê, lúa, ca cao theo hướng GAP, tổ chức hội thảo nhân rộng các mô hình.

- Thực hiện chương trình “Phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ rau quả an toàn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2011-2015” ban hành theo Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 24/6/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2 Kết quả đạt được

a) Diện tích chứng nhận GAP

Đến nay trên toàn tỉnh đã có 7 mô hình được chứng nhận GAP với diện tích là 97.4 ha VietGAP và 12.3 ha Global GAP cụ thể như sau:

- VietGAP trên rau ăn lá của Hợp tác xã rau an toàn Trảng Dài, Biên Hòa diện tích: 1,55 ha.

- VietGAP trên rau ăn lá của Hợp tác xã rau Trường An, huyện Xuân Lộc diện tích: 2,4 ha; đã cấp giấy chứng nhận tháng 12/2012.

- VietGAP ôi tại xã Bảo Quang- Long Khánh diện tích 3,9 ha đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP do Viện Cây ăn quả miền Nam tư vấn, công ty TNHH trái cây Long Khánh tài trợ kinh phí, Công ty Giám định khử trùng Việt Nam cấp giấy chứng nhận VietGAP.

- VietGAP bưởi cho Hợp tác xã Nông nghiệp và Dịch vụ Tân Triều tại hương lộ 9, ấp Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với diện tích 21 ha gồm 45 hộ; chứng nhận Global GAP với diện tích 2,7 ha.

- VietGAP xoài cho Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ Thương mại và du lịch Suối Lớn với 14,5 ha; chứng nhận Global GAP với diện tích 9,6 ha.

- VietGAP chôm chôm cho Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ - Thương mại Bình Lộc tại ấp 1, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai với diện tích 13,1 ha gồm 10 nông hộ.

- Ngày 29/08/2013 cấp giấy chứng nhận VietGAP xoài cho Hợp tác xã Nông nghiệp và Dịch vụ Phú Lý tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với diện tích 32,45 ha gồm 18 nông hộ.

- VietGAP chôm chôm cho tổ hợp tác chôm chôm Xuân Bảo- Cẩm Mỹ với diện tích 3,8 ha.

- VietGAP măng cầu xiêm cho tổ hợp tác măng cầu xiêm Xuân Bảo- Cẩm Mỹ với diện tích 4,7 ha.

b) Diện tích ca cao đạt chứng chỉ UTZ: 210 ha

c) Diện tích sản xuất theo hướng GAP

- Từ năm 2011 đến nay Đồng Nai có diện tích sản xuất rau quả, hồ tiêu và cà phê theo hướng GAP là 117,1 ha có hỗ trợ của nhà nước. Ngoài ra còn một số diện tích khác nông dân tự nhân rộng các các mô hình.

- Năm 2014, chi cục phối hợp địa phương thực hiện Chương trình nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả tốt, giá trị cao trên địa bàn tỉnh (Kế

hoạch 1095/KH-SNN ngày 25/4/2014 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Nai)

+ Dự án “*Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất Hồ tiêu theo tiêu chuẩn Global GAP tại huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai*”, diện tích 40 ha.

+ Chương trình “*Cánh đồng chất lượng cao*” trên cây lúa tại huyện Tân Phú, diện tích 295 ha (vụ Mùa)

+ Mô hình trồng thanh long ruột đỏ tại các xã Hưng Thịnh, Tây Hòa, Sông Trầu và Đồi 61, Trảng Bom: Phối hợp với Phòng Kinh tế huyện tiến hành thăm định 30 ha nhằm hỗ trợ vật tư cho nông dân nhân rộng.

Tổng diện tích Diện tích chứng nhận GAP + Diện tích sản xuất theo hướng GAP + Diện tích ca cao đạt chứng chỉ UTZ = 801,8 ha.

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ:

1. Chương trình khoa học và công nghệ nghiên cứu về giống, kỹ thuật canh tác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các vùng chuyên canh, thâm canh

1.1 Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015:

Trong những năm qua, công tác nghiên cứu khoa học được quan tâm. Kết quả có nhiều đề tài khoa học, dự án được triển khai, kết quả nghiên cứu có giá trị và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất:

- Cải tiến Hệ thống tưới nước tiết kiệm và bón phân qua đường ống.

- Đề tài “Khảo nghiệm khả năng thích nghi của giống dê Boer nhập nội và các thế hệ con lai của nó với giống dê địa phương”.

- Dự án “Phát triển 500 ha bưởi đặc sản tại huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai”.

- Đề tài “Nghiên cứu một số biện pháp phòng trừ bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây hồ tiêu”.

- Đăng ký đề tài nghiên cứu, xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thực hiện giai đoạn từ 2015-2016.

- Nhân rộng mô hình trồng bắp vụ Đông Xuân với mật độ trồng 83.000 cây/ha (vụ Hè Thu và vụ Mùa chỉ bố trí 57.000 cây/ha) và chuyển giao cho nông dân đưa vào sản xuất.

- Qua thử nghiệm và ứng dụng trồng các dòng cà phê do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông – Lâm – Nghiệp Tây Nguyên tuyển chọn chọn ra 4 dòng cà phê TR3, TR5, TR6, TR9 thích nghi với các điều kiện sinh thái ở Đồng Nai.

- Hiện nay 100% diện tích lúa được gieo trồng bằng giống mới có năng suất cao, phẩm chất gạo ngon đủ tiêu chuẩn xuất khẩu như: OM 3536, VND 9520, OM 4717, AS 9967, VD 20.

- Đòi với bắp đã sử dụng giống bắp lai trên 100% diện tích với các giống CP 888, LVN10, G49, C919, NK54, C5252, NK46, B9698, NK66 ... cho năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chịu thâm canh.

- Các giống mía: K95-84, K94/2-483, LK92-11, K2000 đây là bộ giống có năng suất trữ đường cao, kháng sâu bệnh hại. Các giống này đã cho năng suất từ 90-100 tấn/ha trên địa bàn huyện Trảng Bom, Nhơn Trạch.

- Phương pháp tưới nước tiết kiệm kết hợp bón phân qua đường ống giúp nông dân giảm được 40% lượng nước tưới và chi phí nhiên liệu, điện. Giảm 60% công lao động, làm bền, tưới nước và bón phân. Giảm 20% lượng phân bón, tăng 15 -20% năng suất, chất lượng và độ đồng đều của sản phẩm tăng.

- Việc sử dụng máy gặt đập liên hợp đã giúp cho người trồng lúa giảm thất thoát sản phẩm từ 4% xuống còn 1%, giải quyết được tình trạng thiếu lao động nông nghiệp và hạn chế ảnh hưởng của thời tiết trong khâu thu hoạch, giúp người dân tiết kiệm được chi phí (khoảng 1,2 triệu đồng/ha).

- Ủ phân hữu cơ bằng chế phẩm sinh học: Để tận dụng nguồn hữu cơ, rút ngắn thời gian ủ, khử mùi ô nhiễm nhanh, tận dụng và sử dụng nguồn chất thải trong chăn nuôi, góp phần tích cực làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm chi phí sản xuất cho nông dân. Chế biến và sử dụng phân hữu cơ và sử dụng phân hữu cơ là một trong những biện pháp quan trọng trong sản xuất thâm canh cây trồng, khắc phục tình trạng lạm dụng phân vô cơ dẫn đến thoái hóa đất canh tác.

- Hiện nay ngoài việc chuyển giao xây dựng công trình biogas dạng KT1, KT2, các thiết bị sử dụng khí cũng đã được đưa vào phục vụ sản xuất và sinh hoạt như: đun nấu, thắp sáng, chạy máy phát điện, úm gia súc gia cầm ...

1.2. Đăng ký kế hoạch và dự toán khoa học công nghệ giai đoạn 2016-2020

- Tiếp tục thực hiện đề tài nghiên cứu, xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Thực hiện đề tài nghiên cứu mật độ thích hợp trồng bắp trong vụ đông xuân trên đất Đồng Nai. Thời gian thực hiện từ 2015-2018.

- Dự kiến trong giai đoạn 5 năm 2016-2020 tiếp tục đăng ký, thực hiện 02 đề tài khoa học nghiên cứu về giống, kỹ thuật canh tác phục vụ phát triển nông nghiệp.

2. Nghiên cứu, ban hành tiêu chí xây dựng vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất tiêu chí xây dựng vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp như sau:

- Vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp trước tiên phải phù hợp với quy hoạch của địa phương về phát triển kinh tế xã hội, sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp, nông thôn và các quy hoạch khác.

- Áp dụng được đồng bộ quy trình kỹ thuật vào sản xuất và cây trồng, vật nuôi phải phù hợp, phát triển bền vững trong vùng chuyên canh.

- Về diện tích vùng chuyên canh, để có cơ sở xác định diện tích vùng chuyên canh phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể cần tiếp tục triển khai các Chương trình, Dự án, Đề án có hiệu quả đã được xác định để tham mưu tiêu chí xây dựng vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

III. Đề xuất và kiến nghị

1. Về cơ chế chính sách

Khuyến khích và hỗ trợ cho các thành phần kinh tế đầu tư trong lĩnh vực chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với địa phương và đáp ứng yêu cầu thị trường.

Áp dụng chính sách của Nhà nước trong việc xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác kiểm nghiệm giống, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý giống chuyên sâu.

Có chính sách ưu đãi, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho vùng sản xuất giống tập trung.

Có chính sách ưu đãi, thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực giống, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc chọn, tạo ra giống cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với yêu cầu sản xuất.

Tăng cường triển khai thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định về sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, cánh đồng lớn; thực hiện các mô hình trình diễn và tổ chức các buổi hội thảo để nhân rộng các mô hình có hiệu quả cao.

2. Về quản lý nhà nước

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi.

- Tổ chức kiểm tra việc giám định, bình chọn giống định kỳ; Kiểm tra định kỳ các cơ sở sản xuất, kinh doanh cây, con giống, tinh heo. Xử lý các vi phạm về giống theo quy định.

- Thực hiện tốt mối quan hệ “bốn nhà”: *nhà nông, nhà khoa học, nhà quản lý và nhà doanh nghiệp*. Từng bước nâng cao được nhận thức của người nông dân, tạo động lực cho họ yên tâm sản xuất; tự phá bỏ tính tùy tiện trong tư duy sản xuất truyền thống để hướng đến sản xuất rau quả theo khoa học công nghệ hiện đại, an toàn và đạt năng suất cao.

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định logo cho sản phẩm VietGAP.



- Đề nghị UBND các huyện, thị xã Long Khánh, Tp. Biên Hòa tích cực triển khai Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 1 năm 2012 của Thủ tướng về mô số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Tăng cường triển khai thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định về sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, cánh đồng lớn; thực hiện các mô hình trình diễn và tổ chức các buổi hội thảo để nhân rộng các mô hình có hiệu quả cao.

3. Về nguồn lực

- Gắn kết các thành phần kinh tế đầu tư trong lĩnh vực chọn, tạo giống. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động về giống, bảo đảm đủ giống chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất.

- Bổ sung nguồn nhân lực, tăng cường năng lực quản lý Nhà nước về giống cho các cán bộ nghiên cứu, quản lý và kỹ thuật viên hoạt động trong công tác giống.

Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Khoa học và Công nghệ kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ theo kế hoạch 155 KH/TU tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c)
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT (NN) *THẮNG (01)*.
075 *[Signature]*

K.T. **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Minh Báu

